

## Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v ly hôn

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Doãn Đ và chị Ngô Thị Kim L tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2020, đến năm 2021 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu cả hai chung sống hòa thuận. Đến

giữa năm 2021, giữa anh chị xuất hiện những bất đồng trong quan điểm sống và suy nghĩ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, giữa cả hai không còn tiếng nói chung, không thể hòa giải nên chị Liên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh hoạt nhiều tháng nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Kim L để được sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Anh chị không có con chung, không có tài sản chung nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Anh Đ xin chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tới Tòa án để tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng bị đơn - chị Ngô Thị Kim L vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến tới Tòa án.*

Tại phiên tòa, anh Lê Doãn Đ vắng mặt và có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt cũng như anh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong bản tự khai và trong suốt quá trình giải quyết vụ án của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự và đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn không chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị anh Lê Doãn Đ được ly hôn chị Ngô Thị Kim L.

Về con chung: Cả hai không có con chung nên không xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu giải quyết vụ án hôn nhân gia đình về việc “ly hôn” giữa anh Lê Doãn Đ và chị Ngô Thị Kim L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là chị Ngô Thị Kim L vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Liên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Lê Doãn Đ vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Lê Doãn Đ và chị Ngô Thị Kim L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng ngày 07/01/2021 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập, xác minh cho thấy: Do có những mâu thuẫn phát sinh trong sinh hoạt và suy nghĩ nên anh Đ và chị Liên đã ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và các văn bản tố tụng cho chị Liên và tiến hành hòa giải nhưng chị không gửi văn bản ghi ý kiến tới Tòa án, không tham dự hòa giải theo triệu tập của Tòa án. Việc đó cho thấy chị Liên không hợp tác để hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng và không có mong muốn hòa giải. Nay xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã rất trầm trọng, không thể hòa giải dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Liên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Cả hai không có con chung nên HĐXX không xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Cả hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Doãn Đ được ly hôn chị Ngô Thị Kim L.
2. Về án phí: Anh Lê Doãn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Anh Đ đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí sơ thẩm số 0004719 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Cường**